TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 193/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 17 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 192/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà B.T.Y, sinh năm: 1977

- Ông T.Q.T, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: chung cư L, khu phố X, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 29 do Ủy ban nhân dân phường K, huyện L, tỉnh B cấp ngày 04/10/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa bà B.T.Y và ông T.Q.T là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Y, ông T là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu bà Y, ông T sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Vì muốn ổn định cuộc sống nên bà Y, ông T yêu cầu thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà Y, ông T khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B.T.Y và ông T.Q.T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29 do Ủy ban nhân dân phường K, huyện L, tỉnh B cấp ngày 04/10/2016 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà Y, ông T khai không có nợ chung.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) bà B.T.Y tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí, án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027603 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 28/5/2020. Bà Y đã nộp đủ lệ phí việc dân sự. Ông T không phải chịu lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- UBND phường K;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Hữu Thái